



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.

Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



VILAS 746

Số: 106-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 09/12/2019

Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Công ty Bia Masan Brewery
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l
4. Ký hiệu mẫu : 208M₁01/19
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 02/12/2019
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	6.91
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0.94
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0.3	0.04
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	13.47
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	32.35
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	6.9
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	103
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0.85
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	10.2
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0.3	0.02
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0.58
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0.5	KPH (LOD=0,38)



PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Nguyễn Văn Bình

Võ Bá Duy Huân

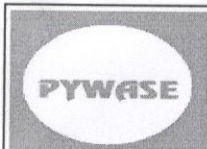
Ghi chú: *Nguyễn Tấn Thuận*

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.

Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



VILAS 745

Số: 107-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 09/12/2019

Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể chứa NMN Phú Hòa
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy 1l
4. Ký hiệu mẫu : 209B08/19
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 02/12/2019
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	7.32
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0.08
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0.3	0.02
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	16.17
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	55.13
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	KPH (LOD=1,44)
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	99
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0.70
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	11.4
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0.3	KPH (LOD=0,01)
12	Nhiều Peranganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0.19
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0.5	0.46
15	Coliform (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	0	KPH
16	E.Coli (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	0	KPH



PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Nguyễn Văn Bình

Võ Bá Duy Huân

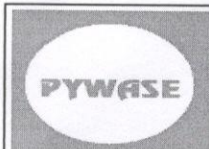
Ghi chú: *Nguyễn Tấn Thuận*

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

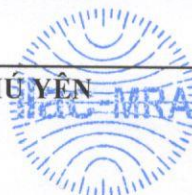
Ngày ban hành: 26/09/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.

Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



VILAS 746

Số: 108-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 09/12/2019

Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Hộ dân Huyện Phú Hòa
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l
- Ký hiệu mẫu : 209M₁08/19
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 02/12/2019
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	7.45
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0.1
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0.3	0.02
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	17.85
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	56.11
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	KPH (LOD=1,44)
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	102
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0.75
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	11.4
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0.3	KPH (LOD=0,01)
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0.19
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0.5	KPH (LOD=0,38)



GIÁM ĐỐC

PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Nguyễn Văn Bình
Nguyễn Văn Bình

Võ Bá Duy Huân
Võ Bá Duy Huân

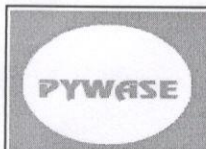
Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.

Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



VILAS 746

Số: 109 -2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 09/12/2019

Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : 131 Nguyễn Thái Học
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l
- Ký hiệu mẫu : 210M₁01/19
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 02/12/2019
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	6.9
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0.56
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0.3	0.02
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	12.8
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	31.84
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	2.5
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	91
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0.85
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	10
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0.3	0.02
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0.52
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0.5	KPH (LOD=0,38)



GIÁM ĐỐC

PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

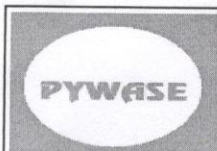
Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019

Nguyễn Tấn Thuận

Nguyễn Văn Bình

Võ Bá Duy Huân



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.

Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



VILAS 746

Số: 110-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 09/12/2019

Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : 8/19 Nguyễn Huệ
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l
4. Ký hiệu mẫu : 210M₂01/19
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 02/12/2019
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	6.96
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0.59
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0.3	0.02
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	12.8
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	31.34
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	3.4
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	83
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0.85
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	10
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0.3	KPH (LOD=0,01)
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0.45
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0.5	KPH (LOD=0,38)



PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Nguyễn Văn Bình

Võ Bá Duy Huân

Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
 Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



Số: 111-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 09/12/2019
 Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Khu tái định cư Núi Nhạn
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l
4. Ký hiệu mẫu : 210M₃01/19
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 02/12/2019
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	6.93
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0.35
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0.3	0.02
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	12.12
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	32.35
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	3.0
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	95
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0.80
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	10
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0.3	0.02
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0.52
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0.5	KPH (LOD=0,38)



GIÁM ĐỐC

PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Nguyễn Tấn Thuận

Nguyễn Văn Bình

Võ Bá Duy Huân

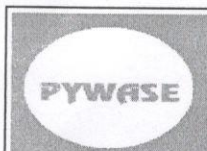
Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.

Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



VILAS 746

Số: 112-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 09/12/2019

Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể chứa NMN Tuy Hòa
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh 1l
- Ký hiệu mẫu : 211B01/19
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 02/12/2019
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	6.95
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0.46
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0.3	0.02
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	13.47
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	33.86
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	KPH (LOD=1,44)
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	90
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0.80
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	10
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0.3	KPH (LOD=0,01)
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0.58
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0.5	0.53
15	Coliform (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	0	KPH
16	E.Coli (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	0	KPH



GIÁM ĐỐC

PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Nguyễn Văn Bình
Nguyễn Văn Bình

Võ Bá Duy Huân
Võ Bá Duy Huân

Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019